UBND TỈNH HẬU GIANG
TRƯỜNG CĐCĐ HẬU GIANG

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ HK2 - NĂM HỌC 2024-2025

Lớp: CĐ Tin học ứng dụng

Địa điểm giảng dạy: Trụ sở chính

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 13 (17/3-23/3/2025)							Tuần 14 (24/3-30/3/2025)							Tuần 15 (31/3-6/4/2025)							Tuần 16 (7/4-13/4/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Quản trị CSDL với SQL Server	PM1	60	S																												
Lê Vũ Phương			C				1234							1234							1234							1234			
LTUD với C# .NET Framework	PM1	90	S																												
Lê Ngọc Hữu			C	123	1234	1234		1234			1234	1234	1234		1234			123	1234	1234		1234				1234	1234		1234		
GVCN/CVHT		435	S																												
Lâm Duy Thiện			C	4														4													

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 17 (14/4-20/4/2025)							Tuần 18 (21/4-27/4/2025)							Tuần 19 (28/4-4/5/2025)							Tuần 20 (5/5-11/5/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Quản trị CSDL với SQL Server	PM1	60	S																												
Lê Vũ Phương			C		1234		1234					1234		1234					1234							123		123			
LTUD với C# .NET Framework	PM1	90	S																												
Lê Ngọc Hữu			C	123		1234		1234			1234		1234		1234			123							123		123		Thi		
GVCN/CVHT			S																												
Lâm Duy Thiện			C	4														4													

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 21 (12/5-18/5/2025)							Tuần 22 (19/5-25/5/2025)							Tuần 23 (26/5-1/6/2025)							Tuần 24 (2/6-8/6/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Quản trị CSDL với SQL Server	PM1	60	S																												
Lê Vũ Phương			C		Thi																										
Lập trình Web PHP & MySQL	PM1	120	S																												
Trần Trung Dũng			C								1234	1234							1234	1234					1234	1234					
PPNCKH ngành Tin học	PM1	75	S																												
Bùi Hải Yến			C	123		1234	1234	1234					1234	1234	1234			123			1234	1234					1234	1234	1234		
GVCN/CVHT			S																												
Lâm Duy Thiện			C	4														4													

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 25 (9/6-15/6/2025)							Tuần 26 (16/6-22/6/2025)							Tuần 27 (23/6-29/6/2025)							Tuần 28 (30/6-6/7/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Lập trình Web PHP & MySQL	PM1	120	S																												
Trần Trung Dũng			C	123	1234	1234					1234	1234	1234					123	1234	1234					1234	1234	1234				
PPNCKH ngành Tin học	PM1	75	S																												
Bùi Hải Yến			C				1234	1234						1234	1234						123	123						123	Thi		
GVCN/CVHT			S																												
Lâm Duy Thiện			C	4														4													

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 29 (7/7-13/7/2025)							Tuần 30 (14/7-20/7/2025)							Tuần 31 (21/7-27/7/2025)							Tuần 32 (28/7-3/8/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Lập trình Web PHP & MySQL	PM1	120	S																												
Trần Trung Dũng			C	123	1234	1234					1234	1234	1234					123	1234	1234					1234	1234	1234				
Lập trình ứng dụng di động	PM1	90	S																												
Lâm Duy Thiện			C				1234	1234						1234	1234						1234	1234						1234	1234		
GVCN/CVHT			S																												
Lâm Duy Thiện			C	4														4													

Môn học/ Môđun	Phòng học	Tổng số giờ	Buổi	Tuần 33 (4/8-10/8/2025)							Tuần 34 (11/8-17/8/2025)							Tuần 35 (18/8-24/8/2025)							Tuần 36 (25/8-31/8/2025)						
				Thứ							Thứ							Thứ							Thứ						
				T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
Lập trình Web PHP & MySQL	PM1	120	S																												
Trần Trung Dũng			C	1234	Thi																										
Lập trình ứng dụng di động	PM1	90	S																												
Lâm Duy Thiện			C			1234	1234	1234				1234	1234	1234	1234			123	1234	1234	1234	1234			1234	1234	123		Thi		
GVCN/CVHT			S																												
Lâm Duy Thiện			C		4													4													